

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 63-TC/CSTC ngày 11-9-1997 hướng dẫn bổ sung, sửa đổi một số quy định về việc tổ chức thu và quản lý biên lai thu tiền phạt hành chính của Thông tư số 52-TC/CSTC ngày 12-9-1996.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 20 tháng 3 năm 1996; căn cứ Thông tư số 14-TC/NSNN ngày 28-3-1997 của Bộ Tài chính cho phép Ban Tài chính xã có quyền thu một số khoản thu, trong đó có thu các khoản tiền phạt hành chính phát sinh trên địa bàn xã.

Để tránh ách tắc trong việc quản lý thu tiền phạt hành chính, Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi quy định của điểm 2b, điểm 2d và bổ sung thêm điểm 2f vào Phần II, mục A của Thông tư số 52-TC/CSTC ngày 12-9-1996 của Bộ Tài chính như sau:

"b) Kho bạc Nhà nước có thể ủy nhiệm việc thu tiền phạt cho các đơn vị có đủ tư cách pháp nhân, có khả năng thu và nộp kịp thời tiền thu phạt như cơ quan bưu điện, cơ quan thuế, ngân hàng và các đơn vị khác, nhưng phải đảm bảo nguyên tắc người xử phạt không trực tiếp thu tiền phạt.

Trong một số trường hợp đặc biệt, việc xử phạt cần phải thu tiền phạt ngay, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm chỉ định đơn vị được ủy quyền thu tiền phạt, đảm bảo nộp đầy đủ số tiền thu phạt vào Kho bạc Nhà nước.

d) Tổng cục Thuế có trách nhiệm phát hành và quản lý thống nhất biên lai thu tiền phạt giao cho các cơ quan thuế địa phương để cấp phát cho các cơ quan Kho bạc Nhà nước trên địa bàn sử dụng theo kế hoạch.

Đối với các khoản thu phạt hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban Nhân dân xã, Ban Tài chính xã nhận biên lai thu tiền phạt từ Chi cục

Thuế huyện, quận và sử dụng thống nhất loại biên lai thu tiền phạt này cho tất cả các khoản thu phạt tại xã.

Trong trường hợp Kho bạc Nhà nước ủy quyền thu phạt cho các tổ chức khác thì Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm cấp biên lai cho đơn vị được ủy quyền.

f) Việc ủy quyền thu phạt phải có hợp đồng ký kết giữa đơn vị Kho bạc Nhà nước trực tiếp ủy quyền với đơn vị được ủy quyền. Trong hợp đồng ủy quyền phải nêu cụ thể các quy định về trách nhiệm và quyền lợi của các bên như sau:

* Đối với đơn vị Kho bạc Nhà nước trực tiếp ủy quyền:

- Giao đầy đủ biên lai và các chứng từ liên quan đến việc thu tiền phạt cho đơn vị được ủy quyền. Việc giao nhận biên lai thu tiền phạt được thực hiện như quy định về việc giao biên lai cho các bàn thu tiền phạt được quy định tại điểm 3 mục II của Công văn số 527-KB/CĐ ngày 25-7-1995 của Kho bạc Nhà nước.

- Hướng dẫn các đơn vị được ủy quyền sử dụng các liên biên lai và nộp tiền vào Kho bạc theo đúng chế độ quy định.

- Thanh toán đầy đủ phí ủy quyền cho bên được ủy quyền.

* Đối với cơ quan được ủy quyền:

- Nhận, sử dụng, bảo quản và quyết toán biên lai thu tiền phạt theo đúng quy định của Kho bạc Nhà nước ủy quyền.

- Chịu mọi trách nhiệm về vật chất như quy định tại tiết 6.1 điểm 6 mục II tại Công văn số 527-KB/CĐ ngày 25-7-1995 nếu làm hư hỏng, mất mát biên lai thu tiền phạt.

- Tuân thủ đúng quy định thu tiền phạt do Kho bạc Nhà nước quy định.

* Phí ủy quyền do hai bên là đơn vị Kho bạc Nhà nước trực tiếp ủy quyền và đơn vị được ủy quyền trao đổi thống nhất và sử dụng trong sổ kinh phí do Sở Tài chính - Vật giá cấp để thanh

toán cho đơn vị được ủy quyền. Phí ủy quyền được trích từ khoản thu về tiền phạt để lại cho ngân sách địa phương."

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ký; đồng thời quy định nêu tại phần II, mục A, điểm 2b và điểm 2d của Thông tư số 52-TC/CSTC ngày 12-9-1996 của Bộ Tài chính hết hiệu lực thi hành.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thư trưởng

VŨ MỘNG GIAO

THÔNG TƯ số 64-TC/TCĐN ngày 15-9-1997 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng công nợ khó đòi, dự phòng giảm giá chứng khoán tại doanh nghiệp nhà nước.

Thi hành Nghị định số 59-CP ngày 3-10-1996 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp nhà nước, Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá chứng khoán trong hoạt động tài chính tại doanh nghiệp nhà nước như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng cho các doanh nghiệp nhà nước hoạt động sản xuất, kinh doanh, bao gồm: tổng công ty, doanh nghiệp thành viên của tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước khác hạch toán độc lập, là đối tượng xác định được doanh thu; chi phí; lãi lỗ (dưới đây gọi tắt là doanh nghiệp nhà nước).

2. Trong Thông tư này các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho* là dự phòng phần giá trị dự kiến bị tổn thất sẽ ảnh hưởng đến kết quả sản xuất, kinh doanh do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho có thể xảy ra trong năm kế hoạch.

b) *Dự phòng giảm giá chứng khoán trong hoạt động tài chính* là dự phòng phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá các loại chứng khoán của doanh nghiệp có thể xảy ra trong năm kế hoạch.

c) *Dự phòng nợ phải thu khó đòi* là dự phòng phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu khó đòi, có thể không đòi được do con nợ không còn khả năng thanh toán có thể xảy ra trong năm kế hoạch.

3. Thời điểm lập và hoàn nhập các khoản dự phòng: Việc trích lập các khoản dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá chứng khoán trong hoạt động tài chính đều được thực hiện ở thời điểm khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm.

4. Ba khoản dự phòng nói trên được trích trước vào chi phí hoạt động của năm báo cáo là để ghi nhận trước giá trị các khoản tổn thất, có thể xảy ra trong năm kế hoạch, giúp cho doanh nghiệp có nguồn tài chính bù đắp ba khoản tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch, nhằm bảo toàn vốn kinh doanh. Doanh nghiệp chủ động xác định mức trích lập, sử dụng từng khoản dự phòng đúng mục đích và xử lý theo các quy định dưới đây.

II. TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

1. **Đối tượng và điều kiện lập dự phòng tổn thất:**

a) *Đối tượng lập dự phòng:*

- Nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất, vật tư hàng hóa, thành phẩm tồn kho để bán, mà giá